

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2019/HN-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v *tranh chấp* “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ly**

2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 772/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Kim N (C)** - Sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp KH 1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Đào Văn T** – Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị **Phạm Kim N (C)** trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2014, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng có quan hệ với người phụ nữ khác, ăn chơi, cờ bạc không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh **Đào Văn T**.

Về con chung: Chị N (C) xác định vợ chồng có 02 con chung tên Đào Thị Huỳnh T1 – Sinh ngày 30/7/2006, Đào Hoàng T2 – Sinh ngày 21/7/2014, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N (C) yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N (C) xác định không có.

Về nợ chung: Chị N (C) xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Đào Văn T trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị N, nhưng anh không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N (C) vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Phạm Kim N (C) khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn T có nơi cư trú ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Đào Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đào Văn T

[2]- Về nội dung: Chị Phạm Kim N (C) và anh Đào Văn T sống chung vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Vợ chồng sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng có quan hệ với người phụ nữ khác, ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị khuyên nhiều lần nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N (C) yêu cầu được ly hôn anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N (C) và anh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, tòa án đã thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị N (C) và triệu tập hợp lệ anh T để giải quyết, nhưng anh không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm của anh T đối với chị N (C) không còn, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, yêu cầu của chị N xin ly hôn anh T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Chị N (C) xác định vợ chồng có 02 con chung tên Đào Thị Huỳnh T1 – Sinh ngày 30/7/2006, Đào Hoàng T2 – Sinh ngày 21/7/2014 hiện đang sống với chị N (C). Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu T1 và cháu T2 sống chung với

chị N (C), nên tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng và giúp cháu có đủ điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó, yêu cầu của chị N (C) là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị N (C) xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Chị N (C) xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Kim N (C) phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Kim N (C) xin ly hôn** anh **Đào Văn T**.

Về quan hệ con chung: Chị N (C) được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Đào Thị Huỳnh T1 – Sinh ngày 30/7/2006, Đào Hoàng T2 – Sinh ngày 21/7/2014, hiện đang sống với chị N (C). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Kim N (C) cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đào Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Chị N (C) xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị N (C) xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị N (C) và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Phạm Kim N (C) phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013531 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- C cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến An;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức